

Số: 47/2019/QĐST-DS

H.N., ngày 23 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông **C.X.V1**, sinh năm 1956; trú tại: 243/1A đường P.Đ.P., phường 15, quận P.N., thành phố H.C.M..

2. Bà **C.T.N2**, sinh năm 1960; trú tại: 74B đường H.B.Tr., phường B.Ng., quận 1, thành phố H.C.M..

3. Bà **C.T.T3**, sinh năm 1967; trú tại: 489A/23/123 đường H.T.K., phường 13, quận P.N., thành phố H.C.M..

4. Bà **C.T.H4**, sinh năm 1969; trú tại: 116/27 đường T.H.T., phường 15, quận 10, thành phố H.C.M..

5. Ông **C.T.T5**, sinh năm 1971; trú tại: 79/84/1 đường P.Đ.j, phường 16, quận 8, thành phố H.C.M..

6. Bà **C.T.N6**, sinh năm 1962; trú tại: thôn T.L., xã P.K., huyện T.T., thành phố H.N..

7. Bà **C.T.M7**, sinh năm 1965; trú tại: thôn T.L., xã P.K., huyện T.T., thành phố H.N..

Người đại diện cho các nguyên đơn theo uỷ quyền: Bà **C.T.N6**, sinh năm 1962; trú tại: thôn T.L., xã P.K., huyện T.T., thành phố H.N..

Bị đơn: Bà **N.T.Lj.**, sinh năm 1943;

Anh **C.A.C8**, sinh năm 1980;

Đều trú tại: thôn T.L., xã P.K., huyện T.T., thành phố H.N..

Người đại diện cho các bị đơn theo uỷ quyền: Ông **H.N.P.**, sinh năm 1971, theo Giấy uỷ quyền lập ngày 16/9/2017 tại phòng Công chứng Quốc Dân. Trú tại: Số 1A₂, M.Đ., H.M., H.N..

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **C.T.C9**, sinh năm 1974, thôn T.L., xã P.K., huyện T.T., thành phố H.N..

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Chính là: Bà **C.T.N6**.

2. Chị **C.T.T10**, sinh năm 1982, trú tại: số 24 ngách 189/93 tổ 23, phường T.Hf., quận C.G., thành phố H.N..

3. Bà **C.T.M11**, sinh năm 1976, trú tại: Tổ 28 khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Tuyết, bà Mười là: Anh **C.A.C8**.

4. Bà **N.T.M12**, sinh năm 1972;

5. Cháu **C.T.L13**, sinh năm 1997;

6. Cháu **C.H.K14**, sinh năm 2008;

Đều trú tại: Xã D.S., huyện D.K., tỉnh K.H..

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Mai là: Bà **C.T.N6**.

7. Chị **L.T.H15**, sinh năm 1980;

Trú tại: thôn T.L., xã P.K., huyện T.T., thành phố H.N..

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về huyết thống:* cụ C.V.K16 và vợ là cụ H.T.T17 sinh được 8 người con là: C.X.V1, C.T.N2, C.T.N6, C.V.S18 (chết năm 2008, có vợ là N.T.M12, con là C.T.L13, C.H.K14), C.T.M7, C.T.T3, C.T.H4, C.T.T5. Năm 1972, cụ Thông chết. Năm 1973, cụ Kiển kết hôn với cụ N.T.Lj. và sinh được 4 người con là: C.T.C9, C.T.M11, C.A.C8 và C.T.T10.

Cụ Thông chết năm 1972, cụ Kiển chết năm 2002 không để lại di chúc.

2.2. *Về di sản:* Khối tài sản gồm nhà cấp 4, bếp, nhà tắm và các công trình khác cây cối trên diện tích đất thực tế 613m² hiện cụ Lại và vợ chồng anh Chung, chị Huyền quản lý có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Kiển, cụ Thông. Sau khi cụ Thông mất năm 1972. Cụ Kiển kết hôn cùng cụ Lại, cụ Kiển, cụ Lại phát triển một số tài sản gồm nhà cấp 4, lợp ngói, bếp, sân gạch, tường bao, lán xi măng, xây nhà kho. Năm 2011 vợ

chồng anh Chung, chị Huyền phát triển một số tài sản như xây nhà tắm, mua bồn Inox, làm mái tôn. Năm 2013 anh Chung chị Huyền xây dựng ngôi nhà 3 tầng trên diện tích đất. Toàn bộ tài sản trên đều tọa lạc tại thôn T.L., xã P.K., huyện T.T., H.N.. Diện tích đất trên đã được UBND huyện T.T. cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 176875, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00555 QSDĐ/399QĐ-UB-H ngày 09/5/2002 mang tên hộ ông Cẩn Văn Kiên.

Nay các đồng nguyên đơn do bà C.T.N6 là đại diện uỷ quyền và bị đơn là cụ Lại, anh Chung do ông H.N.P. là đại diện uỷ quyền và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng nhau tự nguyện thống nhất thoả thuận, cụ thể như sau:

- Xác định diện tích đất thực tế 613m² tại thửa đất 120, tờ bản đồ số 11 thôn T.L., xã P.K., huyện T.T., thành phố H.N. là di sản thừa kế của cụ C.V.K16 và cụ Hoàng Thị Thông.

- Các đương sự thống nhất toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất 2.500.000đ/1m² x 613m² = 1.532.500.000đ. Và thống nhất phân chia quyền sử dụng đất thực tế của diện tích đất cụ thể theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty cổ phần khảo sát và đo đạc H.N. lập ngày 01/01/2019. Các tài sản, công trình xây dựng và cây cối trên đất nằm trên phần diện tích đất thoả thuận phân chia của bên nào thì bên đó được hưởng và không phải thanh toán cho nhau. Việc phân chia diện tích đất cụ thể như sau:

- + Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: C.X.V1, C.T.N2, C.T.N6, C.V.S18 (chết năm 2008, có vợ là N.T.M12, con là C.T.L13, C.H.K14), C.T.M7, C.T.T3, C.T.H4, C.T.T5, C.T.C9 được sử dụng diện tích 303m² đất, có các mốc giới sau: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 1. Kích thước cụ thể từng cạnh của phần diện tích được chia theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất.

Chị C.T.L13 có Đơn xin vắng mặt và đề nghị ngày 10/6/2019 và có ý kiến hoàn toàn nhất trí với quan điểm ý kiến của bà C.T.N6.

- + Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: N.T.Lj., C.A.C8, C.T.M11, C.T.T10 được sử dụng diện tích 310m² đất, có các mốc giới sau: 1, 2, 3, 25, 24, 23, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 1. Kích thước cụ thể từng cạnh của phần diện tích được chia theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất.

Cụ N.T.Lj., chị C.T.T10, chị C.T.M11 tự nguyện cho anh C.A.C8 phần diện tích đất được chia theo thoả thuận.

(Có Sơ đồ thoả thuận phân chia diện tích thửa đất kèm theo)

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất theo thoả thuận phân chia trên đúng quy định của pháp luật.

2.3. Về án phí: Các bên thống nhất phần diện tích bên nào được phân chia đến đâu thì chịu án phí đến đó. Các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được hưởng diện tích 303m² phải chịu án phí 17.150.000đ. Bị đơn anh C.A.C8 được hưởng diện tích 310m² phải chịu án phí 17.500.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP H.N.;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Tiến Dũng